

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012

đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 24
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy Đặc sản được thành lập từ việc chuyển đổi Công ty Xuất Nhập khẩu Thủy Đặc sản theo quyết định số 53/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103000946 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 04 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 29 tháng 08 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty: Số 213 Hòa Bình, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Công Đức	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Thọ	Thành viên
Ông Hà Xuân Thạch	Thành viên
Ông Đỗ Trọng Vinh	Thành viên
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên
Ông Cao Thanh Định	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Trang	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Trọng Vinh	Tổng giám đốc
Ông Võ Hữu Khoa	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thành Phương	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Bùi Thị Phương Thảo	Trưởng ban
Bà Lê Thị Tuyền	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Tp.HCM, ngày 10 tháng 05 năm 2012

TM Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



VÕ HỮU KHOA



Số: 146 /2012/BC.KTTC-AASC.HCM.KT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012
của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản được lập ngày 10 tháng 05 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán và có ý kiến ngoại trừ như sau:

- Công ty đã ghi nhận vào thu nhập khác 35 tỷ đồng trong các năm tài chính (20 tỷ đồng năm 2007 và 15 tỷ đồng năm 2009) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Ê ĐEN. Tuy nhiên do nhiều lý do khác nhau hai bên thỏa thuận ngưng hợp tác với Công ty Cổ phần Ê ĐEN, Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản đã ký thỏa thuận hợp tác với Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng và đã ghi nhận 15 tỷ đồng tiền ứng (trong tổng số 20 tỷ đồng tiền ứng đến ngày 31/12/2010) theo Biên bản thỏa thuận này vào thu nhập khác trên kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010. Theo chúng tôi, đây là khoản ứng trước của các đối tác này cho dự án 213 Hòa Bình. Tại thời điểm kiểm toán, dự án chưa được triển khai và Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng chưa ký hợp đồng chính thức.

Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty TNHH MTV Thực phẩm Bình Chanh - Công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, chưa phản ánh đầy đủ các khoản chi phí khấu hao ước tính khoảng 08 tỷ đồng nên báo cáo tài chính của công ty cũng chưa thể hiện khoản dự phòng đầu tư tài chính cho khoản lỗ trên của công ty con. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị Công ty là do Công ty con mới hoàn thành xây dựng cơ bản và đang trong thời gian sản xuất thử nên chưa tính khấu hao.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

- Tại thời điểm 31/03/2012, công nợ phải thu khó đòi trên 11 tỷ, trong đó số công nợ tồn đọng ở giai đoạn Nhà nước khoảng 8 tỷ đồng tương ứng khoản phải trả nợ vay để thanh toán giai đoạn 1 năm 1992 công ty là doanh nghiệp Nhà nước của Ngân hàng Công thương - Chi nhánh 12 là 11 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại Công ty chưa làm được thủ tục xóa nợ và chưa tiến hành xử lý các tồn tại trên.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản tại ngày 31 tháng 03 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính vấn đề sau:

Công việc kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính theo các thủ tục kiểm toán Báo cáo tài chính thông thường không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành hay chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Việc này chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị tài sản cố định tăng từ khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Tại ngày 31/03/2012, nợ ngắn hạn của công ty đã vượt tài sản ngắn hạn là 98.541.515.845 đồng. Việc thiếu hụt vốn lưu động này có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán và tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.

Tp.HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2012

CN Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Giám đốc



Bùi Văn Thảo

Chứng chỉ KTV số: 0522/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Thái

Chứng chỉ KTV số: 1623 /KTV

110
NH
NG
HIỆN
VỤ T
KH I
EM
HÀ
TP.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		69.894.257.880	113.029.090.534
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	679.962.558	5.605.079.839
111	1. Tiền		679.962.558	5.605.079.839
130	III. Các khoản phải thu		33.870.111.904	45.429.052.087
131	1. Phải thu của khách hàng		33.051.691.920	44.972.616.760
132	2. Trả trước cho người bán		3.484.554.485	3.306.440.557
135	5. Các khoản phải thu khác	4	1.669.091.436	1.485.220.707
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(4.335.225.937)	(4.335.225.937)
140	IV. Hàng tồn kho	5	17.593.734.934	45.755.750.530
141	1. Hàng tồn kho		18.420.794.420	46.582.810.016
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(827.059.486)	(827.059.486)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		17.750.448.484	16.239.208.078
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	1.420.072.528	655.710.052
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.831.715.818	8.891.591.922
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	894.523.696	780.055.709
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	5.604.136.442	5.911.850.395
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		240.631.498.944	241.226.070.561
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		135.691.519.132	135.691.519.132
218	4. Phải thu dài hạn khác	9	135.691.519.132	135.691.519.132
220	II. Tài sản cố định		32.785.073.005	34.525.267.981
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	25.948.722.809	26.476.847.372
222	- Nguyên giá		63.931.463.603	63.931.463.603
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(37.982.740.794)	(37.454.616.231)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		12.888.888	-
225	- Nguyên giá		14.500.000	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.611.112)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	415.930.071	418.560.456
228	- Nguyên giá		428.205.201	428.205.201
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(12.275.130)	(9.644.745)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	6.407.531.237	7.629.860.153
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	70.029.310.855	70.029.310.855
251	1. Đầu tư vào công ty con		69.000.000.000	69.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		4.500.000.000	4.500.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		116.230.738	116.230.738
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(3.586.919.883)	(3.586.919.883)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.125.595.952	979.972.593
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	2.125.595.952	979.972.593
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		310.525.756.824	354.255.161.095

5-01
ANH
TY
HỮU
V.V.
CÉT
TOÁN
HỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		201.094.537.750	244.629.036.818
310	I. Nợ ngắn hạn		168.435.773.725	207.398.036.818
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	127.972.703.910	149.837.219.910
312	2. Phải trả cho người bán		31.060.942.813	44.906.899.841
313	3. Người mua trả tiền trước		7.944.592.091	9.438.579.285
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	423.297.477	573.969.957
315	5. Phải trả người lao động		121.624.471	1.636.877.007
316	6. Chi phí phải trả		519.745.206	681.273.970
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	1.186.033.805	1.116.382.896
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		(793.166.048)	(793.166.048)
330	II. Nợ dài hạn		32.658.764.025	37.231.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	32.859.900.000	37.231.000.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		(201.135.975)	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		109.431.219.074	109.626.124.277
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	109.431.219.074	109.626.124.277
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		108.000.000.000	108.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		10.800.000.000	10.800.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		3.511.530.334	3.511.530.334
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.007.048.021	1.007.048.021
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(13.887.359.281)	(13.692.454.078)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		310.525.756.824	354.255.161.095

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)		1.532,48	252.877,52
- Euro (EUR)		101,01	100,99

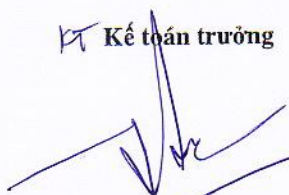
Lập, ngày 10 tháng 05 năm 2012

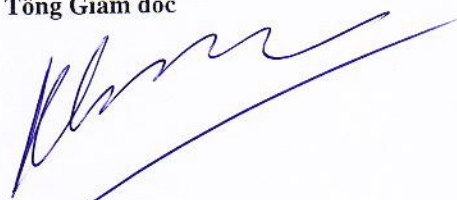
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Hồ Thị Thanh Thúy

Đặng Thị Ngọc Bích

VÕ HỮU KHOA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	84.995.702.579
02	2. Các khoản giảm trừ	21	280.843.115
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	84.714.859.464
11	4. Giá vốn hàng bán	23	74.942.613.412
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.772.246.052
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	170.962.629
22	7. Chi phí tài chính	25	4.926.234.975
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.777.062.221
24	8. Chi phí bán hàng		3.987.205.261
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.219.673.648
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(189.905.203)
31	11. Thu nhập khác		-
32	12. Chi phí khác		5.000.000
40	13. Lợi nhuận khác		(5.000.000)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(194.905.203)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(194.905.203)

Người lập biểu

Hồ Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng

Đặng Thị Ngọc Bích

Lập, ngày 10 tháng 05 năm 2012

Tổng Giám đốc

VÕ HỮU KHOA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		99.488.554.625
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(66.470.015.780)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(4.596.631.438)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(4.777.062.221)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.016.357.704
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.349.227.537)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		21.311.975.353
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(14.500.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.023.366
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.476.634)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		59.343.770.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(85.579.386.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(26.235.616.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.925.117.281)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		5.605.079.839
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	679.962.558

Lập, ngày 10 tháng 05 năm 2012

Người lập biểu

Hồ Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng

Triệu Thị Quảng Châu
Đặng Thị Ngọc Bích

Tổng Giám đốc

VÕ HỮU KHOA

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản được thành lập từ việc chuyển đổi Công ty Xuất Nhập khẩu Thủy Đặc Sản theo quyết định số 53/2002/QĐ-TTG ngày 11 tháng 01 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103000946 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 04 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 29/08/2011.

Trụ sở chính của Công ty: Số 213 Hòa Bình, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 108.000.000.000 đồng. Tương đương 10.080.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Hà Nội	Ngõ 20 Nguyễn Công Hoan, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.
- Chi nhánh Ba Tri	Xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Sóc Trăng	Ấp Huỳnh Kỳ, xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu, Sóc Trăng.
- Trung tâm phân phối Sài Gòn	120 Hòa Bình, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

Công ty có công ty con sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty TNHH MTV Thực phẩm Bình Chánh	Ấp 2 Hoàng Phan Thái, huyện Bình Chánh, Tp.HCM

Thông tin về công ty con, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Nuôi trồng thủy sản, ương cá - tôm giống; kinh doanh thủy hải sản, thức ăn nuôi thủy sản và gia súc, gia cầm;
- Dịch vụ cung cấp nước đá, bảo quản thủy sản, rau quả và thực phẩm các loại;
- Sản xuất, chế biến, đóng hộp thủy hải sản, nông phẩm, thực phẩm các loại;
- Sản xuất nước đá. Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí, hệ thống sấy, hút bụi, thông gió, kho lạnh, hệ thống điều hòa trung tâm;
- Lắp ráp xe gắn máy, vi tính. Mua bán mô tô, xe máy, phụ tùng các loại, nông lâm thủy hải sản, rượu bia, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), đồ điện gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình, sắt thép, kim loại màu, sản phẩm gỗ, kim khí, vật liệu xây dựng, thiết bị văn phòng, máy tính và linh kiện phụ tùng, phần mềm máy tính, thiết bị phục vụ nhà hàng - khách sạn;
- Kinh doanh khách sạn; nhà hàng ăn uống;
- Dịch vụ cho thuê nhà, kho, kho lạnh. Kinh doanh nhà ở;
- Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng internet;
- Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Mua bán xe ô tô;
- Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp; đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 31/03/2012

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản được thành lập từ việc chuyển đổi Công ty Xuất Nhập khẩu Thủy Đặc Sản theo quyết định số 53/2002/QĐ-TTG ngày 11 tháng 01 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103000946 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 04 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 29/08/2011.

Trụ sở chính của Công ty: Số 213 Hòa Bình, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 108.000.000.000 đồng. Tương đương 10.080.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Hà Nội	Ngõ 20 Nguyễn Công Hoan, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.
- Chi nhánh Ba Tri	Xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Sóc Trăng	Ấp Huỳnh Kỳ, xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu, Sóc Trăng.
- Trung tâm phân phối Sài Gòn	120 Hòa Bình, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

Công ty có công ty con sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty TNHH MTV Thực phẩm Bình Chánh	Ấp 2 Hoàng Phan Thái, huyện Bình Chánh, Tp.HCM

Thông tin về công ty con, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Nuôi trồng thủy sản, ương cá - tôm giống; kinh doanh thủy hải sản, thức ăn nuôi thủy sản và gia súc, gia cầm;
- Dịch vụ cung cấp nước đá, bảo quản thủy sản, rau quả và thực phẩm các loại;
- Sản xuất, chế biến, đóng hộp thủy hải sản, nông phẩm, thực phẩm các loại;
- Sản xuất nước đá. Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí, hệ thống sấy, hút bụi, thông gió, kho lạnh, hệ thống điều hòa trung tâm;
- Lắp ráp xe gắn máy, vi tính. Mua bán mô tô, xe máy, phụ tùng các loại, nông lâm thủy hải sản, rượu bia, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), đồ điện gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình, sắt thép, kim loại màu, sản phẩm gỗ, kim khí, vật liệu xây dựng, thiết bị văn phòng, máy tính và linh kiện phụ tùng, phần mềm máy tính, thiết bị phục vụ nhà hàng - khách sạn;
- Kinh doanh khách sạn; nhà hàng ăn uống;
- Dịch vụ cho thuê nhà, kho, kho lạnh. Kinh doanh nhà ở;
- Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng internet;
- Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Mua bán xe ô tô;
- Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp; đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền

2.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại



Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thời gian ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và không trích khấu hao với quyền sử dụng đất lâu dài.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

111
1 N
D N
N H
V U
H N
K I
P. H
H T

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2.12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Đối với các khoản công nợ phải thu có gốc ngoại tệ được phân loại là công nợ khó đòi không có khả năng thu hồi sẽ không áp dụng đánh giá lại tại thời điểm cuối năm.

5-0
IÁNH
S TY
M HỮ
TƯ
KẾ
M T C
A N O
P. H

2.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo kể từ năm 2003. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% cho hoạt động chế biến hải sản trong thời hạn 10 năm và 25% cho hoạt động khác trên thu nhập chịu thuế.

Riêng Chi nhánh Ba Tri được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư là:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong thời hạn 12 năm.
- Được miễn thuế 03 năm và giảm 50% cho 09 năm tiếp theo kể từ năm 2006.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	246.299.839	178.845.668
Tiền gửi ngân hàng	433.662.719	5.426.234.171
	679.962.558	5.605.079.839

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	69.704.193
Phải thu về thù lao hội đồng quản trị	196.666.667	122.000.000
Phải thu về thuế giá trị gia tăng	767.138.201	767.138.201
Phải thu cán bộ công nhân viên	316.330.295	-
Phải thu khác	388.956.273	526.378.313
	1.669.091.436	1.485.220.707

5. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.381.349.640	1.754.514.045
Công cụ, dụng cụ	102.879.537	114.783.207
Thành phẩm	9.834.093.253	40.374.764.131
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(827.059.486)	(827.059.486)
	17.593.734.934	45.755.750.530

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí chờ kết chuyển	144.081.548	203.584.720
Công cụ, dụng cụ	1.275.990.980	452.125.332
	1.420.072.528	655.710.052

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	737.844.420	623.376.433
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.406.681	2.406.681
Thuế thu nhập doanh nghiệp	146.870.819	146.870.819
Thuế thu nhập cá nhân	7.401.776	7.401.776
	894.523.696	780.055.709

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	8.344.911	8.344.911
Tạm ứng	5.538.564.031	5.816.587.212
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	57.227.500	86.918.272
	5.604.136.442	5.911.850.395

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu tiền góp vốn thừa của Công ty TNHH MTV Thực phẩm Bình Chánh	135.691.519.132	135.691.519.132
	135.691.519.132	135.691.519.132

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (xem thuyết minh trang 24)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	322.989.751	105.215.450	-	428.205.201
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	322.989.751	105.215.450	-	428.205.201
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ		9.644.745		9.644.745
Số tăng trong kỳ	-	2.630.385	-	2.630.385
- Trích khấu hao TSCĐ		2.630.385	-	2.630.385
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	12.275.130	-	12.275.130
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	322.989.751	95.570.705	-	418.560.456
Tại ngày cuối kỳ	322.989.751	92.940.320	-	415.930.071

Số dư của tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại thời điểm 31/03/2012 là giá trị quyền sử dụng đất của Nhà máy Bình Chánh.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	6.331.036.897	6.231.036.897
Dự án Sóc Trăng	3.134.605.799	3.134.605.799
Dự án nhà cao tầng tại 213 Hòa Bình, Quận Tân Phú	1.848.032.867	1.748.032.867
Quyền sử dụng đất tại 176 Hòa Bình, Quận Tân Phú	1.348.398.231	1.348.398.231
Mua sắm tài sản cố định	76.494.340	1.398.823.256
Tài sản tại nhà máy Bình Chánh	76.494.340	1.398.823.256
	6.407.531.237	7.629.860.153

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	69.000.000.000	69.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Bình Chánh	69.000.000.000	69.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Đông Hải	4.500.000.000	4.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	116.230.738	116.230.738
Công ty Cổ phần Thủy sản Năm Căn	116.230.738	116.230.738
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(3.586.919.883)	(3.586.919.883)
	70.029.310.855	70.029.310.855

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty vào ngày 31/03/2012 như sau

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Bình Chanh	Tp.HCM	100%	100%	Sản xuất chế biến thủy hải sản

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/03/2012 như sau

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đông Hải	Tp.HCM	100%	100%	Nuôi tôm

Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản và Công ty Cổ phần Đông Hải - Nuôi trồng và chế biến thủy sản Sóc Trăng góp vốn nuôi tôm công nghiệp tại xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng với diện tích 93 ha theo hợp đồng góp vốn ký ngày 31/12/2002. Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản đã góp 4,5 tỷ đồng. Tuy nhiên ngày 27/10/2005, hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng góp vốn trên. Theo biên bản thỏa thuận, Công ty Cổ phần Đông Hải có trách nhiệm làm thủ tục pháp lý tách quyền sử dụng 21 ha trong tổng số diện tích 91 ha ao nuôi cho Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản được trực tiếp ký hợp đồng, khi công ty Cổ phần Đông Hải hoàn tất thủ tục pháp lý về quyền sử dụng đất nuôi tôm trên cho Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản thì hai bên sẽ ký biên bản thanh lý hợp đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, thủ tục pháp lý về quyền sử dụng đất vẫn chưa hoàn tất.

Đầu tư dài hạn khác

	Số lượng cổ phần	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần Thủy sản Năm Căn	11.623	116.230.738	116.230.738
		116.230.738	116.230.738

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	2.125.595.952	979.972.593
	2.125.595.952	979.972.593

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngân hàng	127.972.703.910	149.837.219.910
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Sài Gòn ⁽¹⁾	127.140.303.910	125.114.383.910
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn ⁽²⁾	832.400.000	24.722.836.000
	127.972.703.910	149.837.219.910

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-200300938 ngày 07/07/2011, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 137 tỷ đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: 6 tháng;
- Lãi suất cho vay: từ 17% đến 19,5%/năm đối với Việt Nam đồng và 7,5%/năm đối với Đô la Mỹ;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: thực hiện theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1600-LCP-201100501 ngày 03/06/2011 với giá trị tài sản đảm bảo là 180.683.040.000 đồng;

(2) Theo giấy đề nghị chiết khấu kiêm hợp đồng tín dụng đối với các khoản vay thế chấp bằng bộ chứng từ xuất khẩu với giá trị các khoản vay là 40.000 USD tương đương 832.400.000 đồng.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	90.289.857	33.780.541
Thuế xuất, nhập khẩu	305.313.968	536.139.739
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.516.825
Thuế tài nguyên	223.200	-
Thuế nhà đất	26.937.600	-
Các loại thuế khác	532.852	532.852
	423.297.477	573.969.957

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	9.213.120	9.213.120
Kinh phí công đoàn	63.050.301	98.175.618
Bảo hiểm xã hội	94.687.470	27.592.840
Bảo hiểm y tế	18.704.648	11.401.091
Bảo hiểm thất nghiệp	6.087.606	2.904.182
Phải trả cổ tức cho cổ đông	45.513.000	45.513.000
Phải trả về tiền thuế xuất khẩu	190.608.966	190.608.966
Phải trả, phải nộp khác	758.168.694	730.974.079
	1.186.033.805	1.116.382.896

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Sài Gòn ⁽¹⁾	21.859.900.000	26.231.000.000
Nợ dài hạn		
Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh 12 ⁽²⁾	11.000.000.000	11.000.000.000
	32.859.900.000	37.231.000.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ dài hạn

⁽¹⁾ Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-200800435 ngày 21/05/2008, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 70 tỷ đồng;
- Mục đích vay: thanh toán một phần chi phí xây dựng và mua máy móc thiết bị Nhà máy chế biến thủy sản Bình Chánh
- Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu;
- Lãi suất cho vay: Từ 18%/năm đến 19%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: thế chấp quyền sử dụng 02 khu đất diện tích 30.415,3 m2 tại Ấp II, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Chánh, TP.HCM và tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm giá trị công trình xây dựng trên đất và giá trị máy móc thiết bị của Nhà máy thủy sản Bình Chánh;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 21.859.900.000 đồng.

⁽²⁾ Vay Ngân hàng Công thương - Chi nhánh 12 để thanh toán công nợ giai đoạn 1 năm 1992 - thời kỳ doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đang làm thủ tục để ngân hàng xóa nợ.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	108.000.000.000	10.800.000.000	3.511.530.334	1.007.048.021	(13.692.454.078)
Lỗ trong kỳ					(194.905.203)
Số dư cuối kỳ	<u>108.000.000.000</u>	<u>10.800.000.000</u>	<u>3.511.530.334</u>	<u>1.007.048.021</u>	<u>(13.887.359.281)</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	19.440.000.000	18%	19.440.000.000	18%
Vốn góp của đối tượng khác	88.560.000.000	82%	88.560.000.000	82%
	<u>108.000.000.000</u>	<u>100 %</u>	<u>108.000.000.000</u>	<u>100 %</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
- Vốn góp đầu kỳ	108.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-
- Vốn góp cuối kỳ	108.000.000.000

d. Cổ phiếu

	Kỳ này VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.800.000
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	10.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 đồng/cổ phần)	

20 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	68.267.931.283
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.727.771.296
	84.995.702.579

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

	Kỳ này VND
Chiết khấu thương mại	188.080.326
Hàng bán bị trả lại	92.762.789
	280.843.115

22 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND
Doanh thu thuần bán hàng hoá, thành phẩm	67.987.088.168
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	16.727.771.296
	84.714.859.464

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	60.672.308.383
Giá vốn cung cấp dịch vụ	14.270.305.029
	<u><u>74.942.613.412</u></u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi	13.023.366
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	157.939.263
	<u><u>170.962.629</u></u>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>
Lãi tiền vay	4.777.062.221
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	149.172.754
	<u><u>4.926.234.975</u></u>

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(194.905.203)
Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(13.692.454.078)
- Lỗ lũy kế từ các năm trước	(13.692.454.078)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.887.359.281)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u><u>-</u></u>

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Kỳ này VND
Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Bình Chanh	Công ty con	
Mua hàng hoá		7.257.538.111
Doanh thu bán thành phẩm và gia công		1.513.852.844

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối quan hệ	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Bình Chanh	Công ty con		
Phải thu tiền nhận vốn góp thừa		135.691.519.132	135.691.519.132
Phải trả tiền hàng		(11.926.749.243)	(6.443.887.406)

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Người lập biểu

Hồ Thị Thanh Thúy

KT Kế toán trưởng

Đặng Thị Ngọc Bích

Lập, ngày 10 tháng 05 năm 2012
Tổng Giám đốc

VÕ HỮU KHOA

504
NH
TY
HỮU
SV
Ế TI
TOÁ
HỘI

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	TSCĐ dùng trong quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	51.108.687.798	10.528.005.094	1.780.804.581	321.697.320	192.268.810	63.931.463.603
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	51.108.687.798	10.528.005.094	1.780.804.581	321.697.320	192.268.810	63.931.463.603
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu kỳ	28.628.212.112	7.625.660.931	768.513.486	312.807.258	119.422.444	37.454.616.231
Số tăng trong kỳ	281.392.536	188.342.664	53.369.373	1.903.089	3.116.901	528.124.563
- Trích khấu hao TSCĐ	281.392.536	188.342.664	53.369.373	1.903.089	3.116.901	528.124.563
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	28.909.604.648	7.814.003.595	821.882.859	314.710.347	122.539.345	37.982.740.794
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	22.480.475.686	2.902.344.163	1.012.291.095	8.890.062	72.846.366	26.476.847.372
Tại ngày cuối kỳ	22.199.083.150	2.714.001.499	958.921.722	6.986.973	69.729.465	25.948.722.809

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

20.505.582.797

